TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2024
Về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP . V, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn
Ông Hà Văn Trường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 702/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-HPT ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3.

Địa chỉ: E đường N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà TNR, 180 - A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q (Theo Giấy ủy quyền số 3897/2020/UQ-TGĐ12 ngày 20/7/2020 (vắng mặt).

Ủy quyền lại cho: Ông Đàm Xuân H, sinh năm 1994 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 – Chuyên viên xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 2552/2024/GUQ-TGĐ12 ngày 01/42/2024 – ông T và ông H vắng mặt và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: D đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (ông T1 và bà H1 vắng mặt 02 lần không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình làm việc,

đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 – Chi nhánh V và ông Nguyễn Đức T1 đã ký kết các Hợp đồng tín dụng và thỏa thuận cụ thể gồm:

1. Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/07/2022: Loại thẻ: MasterCard Super Free, Hạn mức: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

2.Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05306/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/883843 ngày 14/07/2022:

- Hạn mức thấu chi: 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng)
- Mục đích vay: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân.
- Lãi suất thấu chi: Là lãi suất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần. Lãi suất thấu chi trong hạn: Lãi suất áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi cho đến ngày 13/07/2023 là 21%/năm (365 ngày). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Thời hạn thấu chi: 12 tháng (từ ngày 13/07/2022 đến ngày 13/07/2023).

3. Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 0607/2022/HĐCV ngày 15/07/2022:

- Số tiền vay: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)
- Mục đích vay vốn: Mua sắm trang thiết bị/nội thất gia đình
- Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định trong thời gian vay là 19.5%/năm
- Thời hạn vay: 36 tháng
- Kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần. Ngày trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 06, ngày trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 06/8/2022, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là: 5.555.556 đồng, kỳ cuối trả tất toán. Ngày trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 06, ngày trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 06/8/2022.

Các khoản vay trên không có tài sản bảo đảm cho khoản vay: Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì Ngân hàng đã mở Thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Đức T1 với hạn mức là: 10.000.000 đồng theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/7/2022.

Ngày 15/7/2022, Ngân hàng đã cấp Hạn mức thấu chi cho ông Nguyễn Đức T1 số tiền là: 190.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 05306/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/883843.

Ngày 15/7/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức T1 số tiền là: 200.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số: 0607/2022/HĐCV.

Ngoài ra, ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 là vợ chồng, nên ông T1 và bà H1 đã ký 02 (hai) Văn bản đồng thuận ngày 14/7/2022 về việc vay vốn và

cùng trả nợ Ngân hàng đối với các khoản vay nợ trên của ông T1. Theo đó bà H1 sẽ có nghĩa vụ cùng ông T1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay đã ký.

Tạm tính đến ngày 25/04/2024, ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 548.376.248đ (Năm trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng), trong đó cụ thể gồm:

- Hợp đồng số 0607/2022/HĐCV, ông T1 và bà H1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 167.222.220 đồng; tiền lãi là 45.362.802 đồng; lãi quá hạn/phí là 22.726.708 đồng;

- Hợp đồng số 05306/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/883843, ông T1 và bà H1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 189.109.000 đồng; tiền lãi là 47.879.337 đồng; lãi quá hạn/phí là 56.362.162 đồng;

- Thẻ tín dụng, ông T1 và bà H1 còn nợ số tiền gốc là 9.800.000 đồng; tiền lãi là 6.114.019 đồng; lãi quá hạn/phí là 3.800.000 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng của ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến 25/04/2024 là: 548.376.248đ (Năm trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn, hai trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 366.131.220 đồng; nợ lãi là 99.356.158 đồng; lãi quá hạn là 82.888.870 đồng.

- Trong thời gian chưa thanh toán nợ, kể từ ngày 26/04/2024, ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 tại các Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tín dụng hạn mức, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Do bận công tác đột xuất nên người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 là ông Đàm Xuân H và ông Nguyễn Văn T đã có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông T và ông H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại tòa phía bị đơn ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc ông Nguyễn Đức T1 ký Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tín dụng hạn mức, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 là có thật. Bà Phạm Thị H1 là vợ ông T1 đã cùng ông T1 ký 02 (hai) Văn bản đồng thuận ngày 14/7/2022 về việc vay vốn nên bà H1 có trách nhiệm cùng ông T1 trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình trả nợ cho Ngân hàng, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Tính đến ngày 25/4/2024, ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 còn nợ Ngân hàng H3 tổng số tiền cả gốc và lãi là 548.376.248 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 548.376.248 đồng. Đồng thời, buộc ông T1 và bà H1 có nghĩa vụ phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 26/4/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tín dụng hạn mức, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 khởi kiện ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với yêu cầu trả nợ số tiền gốc:

Theo hồ sơ do Ngân hàng cung cấp và tại Bản tự khai của đại diện Ngân hàng

về việc cho ông Nguyễn Đức T1 vay tổng số tiền nợ gốc là 400.000.000đồng hoàn toàn phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/07/2022; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05306/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/883843 ngày 14/07/2022 và Hợp đồng cho vay số 0607/2022/HĐCV ngày 15/07/2022. Khi vay, ông thế và vợ là bà Phạm Thị H1 đã ký 02 (hai) Văn bản đồng thuận ngày 14/7/2022 về việc vay vốn và cùng trả nợ Ngân hàng đối với các khoản vay nợ trên của ông T1. Theo đó bà H1 sẽ có nghĩa vụ cùng ông T1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Trong thời gian vay, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng được một phần nợ gốc và tính đến tính đến 25/04/2024 ông T1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc là 366.131.220 đồng. Mặc dù, phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T1 thanh toán nợ nhưng ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận việc ông T1 và bà H1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 366.131.220 đồng là có thật. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 yêu cầu ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 trả số tiền nợ gốc trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu thanh toán số tiền lãi:

Tính đến ngày 25/4/2024, ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 số tiền nợ gốc là 366.131.220 đồng. Do ông T1 và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với phía Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ của ông T1 còn thiếu tại thời điểm này là 366.131.220 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tín dụng hạn mức, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký. Tính đến ngày 25/4/2024, ông T1 còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 số tiền lãi trong hạn là 99.356.158 đồng; lãi quá hạn là 82.888.870đồng. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 99.356.158 đồng và lãi quá hạn là 82.888.870 đồng.

[2.3]. Đối với số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/4/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thì ông T1 và bà H1 phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 26/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tín dụng hạn mức, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà ông T1 đã ký với Ngân hàng.

Từ phân tích đã nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần H3 đối với ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1; buộc ông T1 và bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 25/4/2024) là 548.376.248đ (năm trăm bốn mươi tám

triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn, hai trăm bốn mươi tám đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/4/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[3]. Án phí Dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Số tiền án phí ông T1 và bà H1 phải nộp là: 25.935.050 đồng (cách tính: 20.000.000 đồng + (4% x 148.376.248 đồng)).

H2 lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1.

[1]. Buộc ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi (tạm tính đến ngày 25/4/2024) là 548.376.248đ (Năm trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn, hai trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 366.131.220 đồng; nợ lãi là 99.356.158 đồng; lãi quá hạn là 82.888.870 đồng.

Kể từ ngày 26/4/2024, ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/07/2022; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05306/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/883843 ngày 14/07/2022 và Hợp đồng cho vay số 0607/2022/HĐCV ngày 15/07/2022 cho đến khi ông T1 và bà H1 trả hết nợ cho Ngân hàng.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đức T1 và bà Phạm Thị H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 25.935.050 đồng (hai mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn, không trăm năm mươi đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 10.400.000đ (mười triệu, bốn trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002278 ngày 27/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[3] Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. V;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thường